

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 317/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26/8/2024

V/v T/c Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Thành

Bà Bùi Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 26/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử công khai vụ án thụ lý số 296/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 267/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Trần Văn T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Khố B, phường N, thị xã C, tỉnh, Nghệ An. Nơi ở hiện nay: số A, ngõ G, đường T, quận V, thành phố Đ. Vắng mặt.

- Bị đơn: chị Phạm Thị N, sinh năm 1990. Nơi đăng ký HKTT xóm T, xã N, huyện N, tỉnh, Nghệ An. Vắng mặt.

- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn P, sinh năm 1962. Cư trú: K, phường N, thị xã C, Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn và bản tự khai, anh Trần Văn T trình bày: Anh T và chị Phạm Thị N kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Nghi Lộc ngày 06/6/2012. Thời gian vợ chồng sống hạnh

phúc và có 01 con chung. Sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không còn tin tưởng lẫn nhau. Mặc dù hai bên gia đình đã cố gắng hòa giải nhưng không thành. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, anh T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Phạm Thị N.

Về con chung: Vợ chồng có con chung là cháu Trần Phạm Tuấn M, sinh ngày 20/12/2012. Hiện nay, cháu M đang ở với bố mẹ anh T và anh T chu cấp nuôi con. Anh T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Về tài sản của vợ chồng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía chị Phạm Thị N: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng; Thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu chị Phạm Thị N có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Thực hiện tổng đạt cho chị N các văn bản tố tụng thông qua người thân của chị N là ông Phạm Đình H, bố đẻ chị N, thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản trên theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, chị N vắng mặt, không tham gia tố tụng.

Kết quả xác minh, chị N cư trú tại xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, là con gái của ông Phạm Đình H và bà Phạm Thị C, hiện chị N không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì và thời điểm trở về, không có thông tin xuất cảnh. Tại Công văn số 16253/QLXNC-P3 ngày 24/7/2024, Cục Q Bộ C1 cung cấp chị Phạm Thị N nhập cảnh ngày 14/10/2023.

Ông Phạm Đình H cung cấp thông tin: chị N đang ở Việt Nam, nhưng ông không rõ địa chỉ cụ thể của chị N, thỉnh thoảng chị N có liên lạc với ông qua điện thoại nhưng không nói địa chỉ cụ thể của chị N đang ở đâu. Ông đã thông báo cho chị N biết việc anh T làm đơn xin ly hôn, chị N đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của anh T.

Ông Trần Văn P trình bày: Ông là bố đẻ của anh Trần Văn T, trong thời gian anh T ở Đài Loan, cháu Trần Phạm Tuấn M được ông trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Nay anh T và chị N ly hôn, ông không yêu cầu tiền công chăm sóc nuôi dưỡng từ trước đến nay, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Thu thập chứng cứ đầy đủ, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy

định, đảm bảo quyền, nghĩa vụ của đương sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung khởi kiện của anh Trần Văn T, cho anh T được ly hôn với chị Phạm Thị N; giao con chung của vợ chồng cho anh T; dành quyền khởi kiện về cấp dưỡng, tài sản cho các đương sự khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Nguyên đơn có địa chỉ trước khi đi nước ngoài tại tỉnh Nghệ An; hiện đang lưu trú tại Đài Loan; bị đơn là chị Phạm Thị N có địa chỉ tại xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng; Thông báo thụ lý vụ án, Triệu tập làm việc; Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Do chị N không đến Tòa án theo Giấy triệu tập, Tòa án đã tiến hành xác minh. Kết quả xác minh tại địa phương: chị N hiện tại đang không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu làm gì. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đối với chị N nhưng chị N vắng mặt không có lý do. Vụ án thuộc trường hợp không thể hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Trần Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, nhận thấy, anh Trần Văn T và chị Phạm Thị N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuộc sống, nhưng không được hàn gắn, giải quyết. Hai vợ chồng không còn cùng hướng đến xây dựng hạnh phúc. Khi biết anh T xin ly hôn tại Tòa án, chị N đồng ý. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh Trần Văn T và chị Phạm Thị N không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Văn T. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh Trần Văn T được ly hôn với chị Phạm Thị N.

[2.2.] Về con chung: Anh T và chị N có con chung là Trần Phạm Tuấn M, sinh ngày 20/12/2012. Hiện cháu đang ở với anh T. Trong thời gian anh T đi Đài Loan thì cháu sống cùng ông nội là ông Trần Văn P. Anh T đang ở nước ngoài, có địa chỉ cụ thể, chị N ở Việt Nam nhưng không có địa chỉ cụ thể. Vì vậy để ổn định cuộc sống của cháu, cần giao cháu cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu, chị N cũng không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với các chi phí chăm sóc cháu M trong thời gian qua, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng theo quy định.

[2.3] Tài sản chung, nợ: Anh Trần Văn T chưa yêu cầu giải quyết và chị Phạm Thị N cũng chưa có ý kiến gì nên Tòa án không xem xét. Đương sự có quyền khởi kiện theo quy định.

[3]. Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn, cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 37, Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1, 3 Điều 228, điểm d, khoản 1 Điều 469 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 82, 83, 84 Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn T.

[1] Quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T được ly hôn với chị Phạm Thị N.

[2] Con chung: Giao con chung là cháu Trần Phạm Tuấn M, sinh ngày 20/12/2012 cho anh Trần Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự chưa có ý kiến nên Tòa án không xem xét. Đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng theo quy định.

[3] Về tài sản: Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn theo quy định pháp luật.

[4] Án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng đã nộp tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012994 ngày 04/7/2024.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn như sau:

Anh Trần Văn T đang ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản sao bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Ông Trần Văn P, chị Phạm Thị N vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An;
- Lưu HSVA. TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Cường